

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 68/2020/TLST-HNGĐ ngày 27/4/2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sâu đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn X, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

- Anh Nguyễn Công S, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn Z, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn của chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Công S thực hiện đúng quy định tại Điều 362 và Điều 396 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ chị G và anh S cung cấp như: Giấy chứng nhận kết hôn giữa anh Nguyễn Công S và chị Nguyễn Thị G do Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam cấp ngày 18/8/2014; bản sao chứng thực Căn cước công dân của chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Công S; bản sao chứng thực giấy khai sinh của cháu Nguyễn Công D; bản sao chứng thực sổ hộ khẩu số 571229646 chủ hộ Nguyễn Trọng H và số 230225063 chủ hộ Nguyễn Công L; bản tự khai của chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Công S, đã có đủ cơ sở để xác định: Quan hệ giữa chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Công S là quan hệ vợ chồng hợp pháp; cháu Nguyễn Công D là con chung của chị G và anh S. Quá trình chung sống, chị G và anh S đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2016, mặc dù gia đình đã quan tâm dàn xếp nhưng không đem lại kết quả mà ngày càng căng thẳng. Mâu thuẫn giữa chị G và anh S đã thực sự trầm trọng từ tháng 5/2017 và hai người đã sống ly thân không còn quan

tâm đến nhau nữa; khi ly thân cháu D do chị G nuôi dưỡng và được chị G nuôi dưỡng, chăm sóc chu đáo. Sau 3 năm sống ly thân, cả chị G và anh S đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị G, anh S đã tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn, thỏa thuận giao con chung là cháu Nguyễn Công D, sinh ngày 16/02/2016 cho chị G nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị G và làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn, công nhận sự thỏa thuận việc nuôi con khi ly hôn của hai người. Trong thời hạn chuẩn bị xét đơn yêu cầu, ngày 08/5/2020 Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng cả chị G và anh S đều xác định vợ chồng không thể trở lại đoàn tụ và giữ nguyên toàn bộ nội dung yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn như trong đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 23/4/2020.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

**1. Công nhận thuận tình ly hôn, sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

*Về hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn của:

- Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn X, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

- Anh Nguyễn Công S, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn Z, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam

*Về con chung:* Chị Nguyễn Thị G trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Công D, sinh ngày 16/02/2016, anh Nguyễn Công S không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị G. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, ngăn cấm.

**2. Về lệ phí Tòa án:** Chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Công S tự nguyện thỏa thuận: Chị G nộp toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0011856 ngày 27/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc. Chấp nhận chị G đã nộp đủ.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND Ngọc Lặc;
- UBND xã N;
- Chi cục THADS Ngọc Lặc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN***(Đã ký)***Lê Viết Giảng**